

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24/02/2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Tuyết

Ông Võ Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 03/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Phạm Xuân D1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Tô Thị Thùy D2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Tô Thị Thùy D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Phạm Xuân D1 trình bày:

Ông và bà Tô Thị Thùy D2 yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D vào năm 2001. Đến khoảng năm 2010, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nhiều lần vợ chồng cãi nhau, bà D2 bỏ về nhà mẹ ruột ở một vài ngày rồi trở về nhà. Trong quá trình chung sống, bà D2

có nợ nần trong công việc làm ăn mà ông không biết lý do nợ. Tháng 5/2015, bà D2 bỏ nhà đi khỏi địa phương và đến tháng 12/2015 thì trở về. Trong thời gian bà D2 bỏ nhà đi, chủ nợ đến nhà đòi nợ, gây áp lực cho gia đình ông. Tháng 5/2017, ông D1 đã trả nợ thay cho bà D2 8.000.000 đồng. Từ tháng 5/2017 cho đến nay, ông D1 và bà D2 không còn chung sống với nhau. Ông D1 xác định không còn tình cảm với bà D2, đề nghị được ly hôn bà D2 vì ông đã nhiều lần khuyên can bà D2 không gây nợ nần nhưng bà D2 không thay đổi khiến ông mất lòng tin.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thành N1, sinh ngày 17/01/2001 và Đinh Thoại N2, sinh ngày 06/5/2003. Cháu N1 đã trưởng thành và khỏe mạnh. Ông D1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N2 và không yêu cầu bà D2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D1 xác định không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2019 và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Tô Thị Thùy D2 trình bày:

Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày. Ông D1 cho rằng bà gây nợ nần cho gia đình là không đúng. Do cần tiền mua tủ bánh mì để buôn bán kiếm tiền nuôi con nhưng ông D1 không có nên bà D2 đã mượn khoảng 30.000.000 đồng của những người quen biết ngoài xã hội. Bà D2 làm ăn thua lỗ, không trả được nợ nên chủ nợ tới quán đòi nợ và có gặp ông D1. Năm 2017, bà D2 đã đi làm và trả hết số tiền nợ trên. Bà D2 xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, bà còn tình cảm với ông D1 nên không đồng ý ly hôn. Năm 2018, bà D2 phát hiện ông D1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông D1 trình bày là đúng. Cháu N1 đã trưởng thành và khỏe mạnh. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N2 đến khi trưởng thành và yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D2 xác định không có.

Bản án số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đinh Phạm Xuân D1 được ly hôn bà Tô Thị Thùy D2.

2. Về con chung: Giao cho bà Tô Thị Thùy D2 trực tiếp nuôi con chung Đinh Thoại N2, sinh ngày 06/5/2003. Ông Đinh Phạm Xuân D1 phải cấp dưỡng nuôi cháu N2 mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng

10/2019 cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi. Ông D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi con chung, ông D1 và bà D2 đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, bị đơn bà Tô Thị Thùy D2 có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn ông Đinh Phạm Xuân D1 với lý do còn tình cảm với ông D1 và mong muốn vợ chồng cùng chăm sóc con chung. Nguyên đơn ông Đinh Phạm Xuân D1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Tô Thị Thùy D2 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và bà vẫn còn tình cảm với ông Đinh Phạm Xuân D1. Tuy nhiên, trên thực tế, bà D2 đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở; từ tháng 5 năm 2017 đến nay, hai người đã không chung sống với nhau và bà D2 cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông D1 với bà D2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D1 về ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà D2 không được chấp nhận.

[2] Các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[3] Do kháng cáo của bà D2 không được chấp nhận nên bà D2 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị Thùy D2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đinh Phạm Xuân D1 được ly hôn bà Tô Thị Thùy D2.

2. Về con chung: Giao cho bà Tô Thị Thùy D2 trực tiếp nuôi con chung Đinh Thoại N2, sinh ngày 06/5/2003. Ông Đinh Phạm Xuân D1 phải cấp dưỡng

nuôi cháu N2 mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi. Ông D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi con chung, ông D1 và bà D2 đều có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

- Ông Đinh Phạm Xuân D1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001579 ngày 09/7/2019. Như vậy, ông D1 đã nộp đủ án phí.

- Bà Tô Thị Thùy D2 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007233 ngày 01/11/2019. Như vậy, bà D2 đã nộp đủ án phí.

Quy định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn D, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VP, DS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền